

# MẤY NÉT SƠ BỘ VỀ SỰ BIẾN ĐỔI CƠ CẤU XÃ HỘI-GIAI CẤP Ở NƯỚC TA KHI CHUYỂN SANG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM XUÂN NAM

## I. Cơ sở lý luận, phương pháp luận

Cơ sở lý luận, phương pháp luận nghiên cứu sự biến đổi cơ cấu xã hội của các quốc gia trong quá trình phát triển là học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C.Mác. Theo học thuyết đó, mỗi hình thái kinh tế - xã hội bao gồm ba bộ phận cấu thành cơ bản có mối quan hệ tác động qua lại biện chứng với nhau: a) cơ sở kinh tế, tức phương thức sản xuất; b) cơ cấu xã hội; c) kiến trúc thượng tầng về pháp lý, chính trị và hình thái ý thức xã hội tương ứng.

Tóm tắt học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội của C. Mác bằng một công thức ngắn gọn, Ph.Ăngghen viết: *“Trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại và lịch sử của sự phát triển trí tuệ của thời đại...”*<sup>1</sup>

Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác, về đại thể ta có thể thấy quá trình phát triển của lịch sử nhân loại từ xưa đến nay đã và đang trải qua các học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội như: cộng sản nguyên thủy, chiếm hữu nô lệ, phong kiến, tư sản, và một số nước (trong đó có Việt Nam) đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội - giai đoạn đầu của chủ nghĩa cộng sản văn minh.

Sự vận động, thay thế lẫn nhau của các hình thái kinh tế - xã hội ở các nước không hoàn toàn diễn ra theo một con đường thẳng và tuần tự nhi tiến. Trái lại, sự vận động đó thường quanh co, đan xen, thâm nhập vào nhau, trong đó phương thức sản xuất đại biểu cho hình thái kinh tế - xã hội tiến bộ hơn cuối cùng vượt lên chiếm địa vị thống trị.

Vì thế, để thấy rõ sự biến đổi cơ cấu xã hội của một quốc gia, cần phải phân tích cụ thể những biểu hiện đa dạng của mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp

<sup>1</sup> C.Mác & Ph.Ăngghen: *Toàn tập*. Tập 21. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1955. Tr.523.

#### 4 *Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta ...*

xã hội gắn liền với sự vận động của phương thức sản xuất, tức cơ sở kinh tế của xã hội và kiến trúc thượng tầng, vừa phản ảnh vừa tác động trở lại cơ sở kinh tế ấy.

Vào thời đại của mình, cả C. Mác và Ph.Ănggen đã tập trung phân tích mối quan hệ giữa hai giai cấp đối kháng chủ yếu trong xã hội tư bản là tư sản và vô sản. Nhưng hai ông không hề bỏ qua giai cấp địa chủ, nông dân, tiểu tư sản, cũng như các tầng lớp xã hội khác như tầng lớp tăng lữ, tầng lớp quý tộc, tầng lớp trí thức, tầng lớp công nhân “quí tộc” và cả tầng lớp vô sản “lưu manh” trong xã hội đương thời.

Về sau, khi đưa ra lý thuyết phân tầng xã hội, Mác Vêbe (Max Weber 1864-1920), một nhà xã hội học Đức, tuy không tán thành mục đích chính trị của C. Mác, nhưng trên thực tế đã thừa nhận quan điểm của C. Mác về sự phân hóa giai cấp chủ yếu dựa trên sự khác biệt về *quyền sở hữu tài sản*, đồng thời bổ sung thêm các nhân tố *trí tuệ* và *vị thế hay quyền lực* trong sự tác động qua lại với quyền sở hữu.

Vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu khoa học của nhân loại, đồng thời căn cứ vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, ngay từ năm 1924, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã chỉ ra những nét đặc thù của cơ cấu xã hội Việt Nam lúc đó xét trong mối tương quan giữa các giai cấp. Người viết: “Nếu nông dân gần như chẳng có gì thì địa chủ cũng không có vốn liếng gì lớn; nếu nông dân chỉ sống bằng cái tối thiểu cần thiết thì địa chủ cũng chẳng có gì là xa hoa; nếu thợ thuyền không biết mình bị bóc lột bao nhiêu thì chủ [tư bản] lại không hề biết công cụ để bóc lột của họ là máy móc; người thì chẳng có công đoàn kẻ thì chẳng có tư-rot. Người thì nhẫn nhục chịu số phận của mình, kẻ thì vừa phải trong sự tham lam của mình. Sự xung đột về quyền lợi của họ được giảm thiểu”.<sup>2</sup> Từ đó, Người đi đến kết luận mà về sau đã được thực tế chứng minh là: “*Cuộc đấu tranh giai cấp [ở Việt Nam] không diễn ra giống như ở phương Tây*”,<sup>3</sup> và “*chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước*”.<sup>4</sup>

Trên cơ sở nắm vững đặc điểm của cơ cấu xã hội Việt Nam, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương đúng đắn để xử lý các mối quan hệ đa dạng giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội trong quá trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Năm 1941, trong *Chương trình Việt Minh*, bên cạnh các chủ trương, chính sách về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội nói chung, Hồ Chí Minh đã nêu ra 10 chính sách đối với công nhân, nông dân, binh lính, học sinh, phụ nữ, thương nhân và các nhà kinh doanh, viên chức, người già và kẻ tàn tật, nhi đồng, Hoa kiều<sup>5</sup> nhằm tập hợp, đoàn kết rộng rãi tất cả các lực lượng yêu nước, tập trung mũi nhọn đấu tranh đánh đổ ách thống trị của bọn thực dân đế quốc và bè lũ tay sai bán nước, giành lại độc lập cho Tổ quốc, tự do dân chủ cho nhân dân.

<sup>2</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 1. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1995. Tr. 464.

<sup>3</sup> Như trên. Tr.464.

<sup>4</sup> Như trên. Tr.466.

<sup>5</sup> Hồ Chí Minh: *Toàn tập*. Tập 4. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1995. Tr. 585.

Sau Cách mạng tháng Tám thành công, kháng chiến chống Pháp thắng lợi, miền Bắc được giải phóng bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh vẫn luôn nhấn mạnh: Nhiệm vụ củng cố khối liên minh công - nông phải gắn liền với tăng cường đoàn kết các tầng lớp trí thức, thợ thủ công, những người buôn bán nhỏ, những nhà công thương, các dân tộc đa số cũng như thiểu số, các tín đồ tôn giáo, các giới đồng bào, không phân biệt già trẻ, gái trai để cùng nhau phấn đấu thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh.

Có thể nói, khi đề ra các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước trong các giai đoạn cách mạng khác nhau, Hồ Chí Minh bao giờ cũng căn cứ vào tình hình cụ thể của cơ cấu xã hội và thể hiện rõ sự quan tâm đến tất cả các giai cấp cơ bản, các tầng lớp nhân dân, không để sót một ai.

Ngày nay, trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, việc vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về phân tích cơ cấu xã hội (bao gồm cơ cấu xã hội - giai cấp, cơ cấu xã hội - nghề nghiệp, cơ cấu xã hội theo tộc người, tôn giáo, giới tính, lứa tuổi ..., trong đó *cơ cấu xã hội - giai cấp là cốt lõi*) làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội là điều có ý nghĩa rất quan trọng.

## **II. Từ cơ cấu xã hội - giai cấp “thuần nhất” chuyển sang cơ cấu xã hội - giai cấp đa dạng**

Những năm trước đổi mới, do sai lầm nóng vội, chủ quan, duy ý chí trong cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với các thành phần kinh tế cá thể, tiểu thương, tiểu chủ, tư bản tư nhân, cho nên có lúc đã xuất hiện quan niệm đơn giản cho rằng cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta đã trở nên “thuần nhất”, vì chỉ còn hai giai cấp và một tầng lớp, đó là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức.

Thật ra, cơ cấu xã hội - giai cấp này không phải là kết quả của sự phát triển “lịch sử - tự nhiên” của những quan hệ sản xuất mới, bởi lẽ “những điều kiện tồn tại vật chất [tức những lực lượng sản xuất] của những quan hệ đó còn chưa chín muồi trong lòng bản thân xã hội cũ”, như C. Mác đã từng chỉ ra.<sup>6</sup>

Điều đó giải thích tại sao, kể từ khi Đảng ta chủ trương chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp, dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể là chủ yếu, sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa (nói gọn là nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa), thì cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta không còn “thuần nhất” như thời kỳ trước đổi mới nữa.

Sự chuyển đổi của cơ cấu và cơ chế kinh tế trong 15 năm qua, cùng với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước những năm gần đây đã làm cho cơ cấu xã hội - giai cấp gắn liền với cơ cấu xã hội - nghề nghiệp ngày càng trở nên

<sup>6</sup> C. Mác & Ăngghen: *Toàn tập*. Tập 13. Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia. Hà Nội-1993. Tr. 15-16.

## 6 *Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta ...*

đa dạng phức tạp hơn.

Theo các số liệu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, từ năm 1990 đến năm 2000, cơ cấu lao động ở nước ta đã chuyển dịch theo hướng tăng lao động cho sản xuất công nghiệp, xây dựng từ 13,6% lên 16,7%; lao động cho các ngành dịch vụ từ 13,8% lên 22%; trong khi giảm lao động nông-lâm-ngư nghiệp từ 72,6% xuống còn 61,3%.

Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi cơ cấu và cơ chế kinh tế còn đang tiếp tục, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mới chỉ bắt đầu, vì thế cơ cấu xã hội - giai cấp và cơ cấu xã hội - nghề nghiệp cũng chưa định hình rõ nét. Hơn nữa, chúng ta chưa có điều kiện điều tra, khảo sát, thu thập đầy đủ các dữ kiện về phân hóa giai cấp, phân tầng xã hội trên diện rộng. Do đó, ở đây mới chỉ có thể đưa ra mấy nét phác họa đầu tiên về sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta trong thời kỳ đổi mới, trước hết tập trung vào một số đối tượng chủ yếu sau:

*1. Về giai cấp công nhân:* Thời kỳ trước đổi mới, đại đa số công nhân trực tiếp sản xuất tập trung trong khu vực kinh tế quốc doanh. Nhưng khi chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thì cơ cấu xã hội của giai cấp công nhân đã có sự thay đổi lớn.

Trong cơ chế mới, không ít doanh nghiệp nhà nước đã biết kịp thời cải tiến quản lý, đổi mới công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, do đó đã tiếp tục trụ vững và phát triển. Tuy vậy, phần lớn doanh nghiệp nhà nước đã gặp phải nhiều khó khăn, một số phải giải thể, phá sản. Trước tình hình đó, Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước; tiến hành cổ phần hóa đối với những doanh nghiệp có điều kiện; đồng thời sát nhập, bán, cho thuê, giao khoán đối với các doanh nghiệp nhỏ, kinh doanh thua lỗ kéo dài mà không cần duy trì sở hữu nhà nước. Kết quả là, số doanh nghiệp nhà nước đã giảm từ 12.300 năm 1989 xuống còn 5.280 đầu năm 2000<sup>7</sup>. Cùng với sự giảm nhanh về số lượng doanh nghiệp nhà nước, số lượng công nhân ở khu vực này cũng giảm mạnh. Năm 1986, số công nhân trong các xí nghiệp quốc doanh là 3,2 triệu người, năm 1990 còn 1,8 triệu, năm 1993 còn 1,2 triệu, đến năm 1997 tăng lên 1,7 triệu, nhưng vẫn chỉ bằng hơn 1/2 so với năm 1986. Đáng chú ý là, do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự chênh lệch lớn về thu nhập, cho nên đã có một bộ phận công nhân bậc cao, có tay nghề giỏi rời khỏi các doanh nghiệp nhà nước chuyển sang làm cho các doanh nghiệp tư nhân, nhất là các cơ sở liên doanh với nước ngoài và 100% vốn nước ngoài.

Nếu số công nhân trong các doanh nghiệp nhà nước giảm gần 50%, thì số công nhân làm việc tại các doanh nghiệp tư nhân lại tăng lên đáng kể. Năm 1991, cả nước mới có 121 doanh nghiệp tư nhân thì đến cuối năm 2000 đã có 47.000 doanh nghiệp đăng ký hoạt động dưới các dạng công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty tư nhân, công ty cổ phần. Đại đa số các doanh nghiệp trên thuộc loại nhỏ, trong đó 64% tập trung trong ngành dịch vụ, còn lại 17,6% trong nông-lâm-ngư nghiệp, 9,8% trong công

<sup>7</sup> Tạp chí *Cộng sản*. Số 14, tháng 7 năm 2000. Tr 38.

nghiệp và 9,2% trong xây dựng. Cùng với sự phát triển của các doanh nghiệp tư nhân, số công nhân trong khu vực này cũng đã tăng từ 2,4 triệu người năm 1995 lên gần 4 triệu người hiện nay.

Bên cạnh hai loại hình doanh nghiệp kể trên, từ khi *Luật đầu tư nước ngoài* được chính thức ban hành đầu năm 1988 đến đầu năm 2000, đã có khoảng 700 công ty thuộc 66 nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam với 2290 dự án và 35,5 tỷ USD vốn đăng ký, trong đó 15,1 tỷ USD đã được thực hiện.<sup>8</sup> Với số vốn đó hàng ngàn doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dưới hình thức liên doanh với các doanh nghiệp trong nước hoặc 100% vốn nước ngoài đã ra đời, tập trung tại các khu chế xuất, khu công nghiệp. Năm 1991, ở Việt Nam chỉ mới có một khu chế xuất Tân Thuận, đến nay cả nước đã có 3 khu chế xuất và 62 khu công nghiệp được thành lập. Lực lượng công nhân lao động làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cũng ngày càng tăng lên: năm 1994 là 70.000 người, đến năm 2000 đã tăng lên 350.000 người. Ngoài ra, còn hàng chục vạn lao động gián tiếp tham gia xây dựng cơ bản, hoạt động dịch vụ gắn với các loại dự án.

Như vậy, trong giai cấp công nhân hiện nay không chỉ có những người làm việc ở các xí nghiệp quốc doanh hoặc ở các xí nghiệp quốc doanh cổ phần hóa, mà còn làm việc ở các xí nghiệp tư doanh, các cơ sở liên doanh với nước ngoài hoặc do nước ngoài đầu tư một trăm phần trăm vốn.

So với trước, thu nhập của đa số công nhân có tay nghề vững được cải thiện rõ rệt, nhất là ở những xí nghiệp làm ăn có hiệu quả hoặc liên doanh với nước ngoài, nhưng một bộ phận đáng kể công nhân lao động giản đơn hoặc tay nghề thấp có thu nhập không ổn định, đời sống của bản thân và gia đình họ còn gặp nhiều khó khăn.

Việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn và kỹ năng nghề nghiệp cho công nhân hiện nay ra sao? Con cái họ được học hành và chăm sóc như thế nào? Điều kiện nhà ở, mức hưởng thụ văn hóa của gia đình họ có tốt không? Phải thừa nhận rằng trên các mặt ấy còn nhiều việc cấp thiết phải làm.

Vì thế, trong thời gian tới chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước nhất thiết phải hướng mạnh hơn nữa vào đối tượng công nhân. Nó phải góp phần làm cho giai cấp công nhân thật sự giữ được vai trò tiên phong trong xã hội ta, có số lượng và nhất là chất lượng cần thiết để làm chủ được kỹ thuật và công nghệ mới trong từng xí nghiệp, từng ngành cũng như cả nước, có đời sống vật chất và tinh thần ngày càng được cải thiện. Lợi ích cơ bản, chân chính của giai cấp công nhân phải được bảo vệ đúng mức và kịp thời, nhất là ở các xí nghiệp liên doanh với nước ngoài hoặc do nước ngoài đầu tư hoàn toàn.

2. *Cơ cấu xã hội - giai cấp ở nông thôn* cũng không đơn giản như trước. Với sự ra đời của chính sách khoán hộ theo tinh thần nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4/1988), các gia đình nông dân đã trở thành đơn vị kinh tế tự chủ, phần lớn hợp tác xã kiểu cũ đã giải thể, số còn lại chuyển đổi thành hợp tác xã mới (theo *Luật hợp tác*

<sup>8</sup> *Tạp chí Cộng sản*, Số 9, tháng 5 năm 2000. Tr. 7.

## 8 *Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta ...*

xã năm 1996), trong đó xã viên chỉ phải góp vốn mà không phải góp tư liệu sản xuất, thì trên thực tế giai cấp nông dân tập thể trước đây đã không còn nữa, và do đó gần 10 triệu hộ nông dân - thực chất là tiểu nông cá thể - đã trở thành nhân vật trung tâm ở nông thôn. Hầu hết các hộ nông dân này tự tiến hành sản xuất, kinh doanh bằng nguồn vốn và sức lao động của gia đình trên diện tích ruộng đất được Nhà nước giao cho quyền sử dụng ổn định lâu dài. Việc huy động đến mức cao nhất mọi nguồn lực của kinh tế hộ, cộng với sự hỗ trợ của Nhà nước về vốn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn, v.v. đã làm cho sản xuất nông nghiệp được mùa liên tục trong 12 năm (1989-2000), thu nhập và đời sống của đại đa số nông dân được cải thiện đáng kể so với trước. Tuy vậy, cũng có một bộ phận nông dân, do nhiều nguyên nhân (như thiếu vốn, thiếu kiến thức và kinh nghiệm làm ăn, bị thiệt hại bởi nhiều thiên tai hoặc gặp rủi ro trong cuộc sống, v.v...) đã phải chuyển nhượng, cầm cố ruộng đất cho các hộ khá giả và trở thành lao động làm thuê. Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 1999 ở vùng đồng bằng sông Cửu Long có khoảng 80.000 hộ nông dân (chiếm 5% trong tổng số 1,6 triệu hộ nông dân) không có đất canh tác. Tại một số tỉnh (như Trà Vinh, Sóc Trăng), tỷ lệ số hộ không có hoặc có quá ít ruộng đất lên tới 12 - 15%.

Gắn liền với tình hình kể trên là hiện tượng tích tụ ruộng đất đã và đang diễn ra trong một bộ phận nông hộ giàu. Ngoài lao động của bản thân, những hộ này còn thuê mượn một phần lao động theo mùa vụ để sản xuất với qui mô lớn hơn.

Tại một số vùng mà nguồn đất đai tương đối dồi dào, hình thức kinh tế trang trại có thuê mượn lao động theo mùa vụ hoặc thường xuyên đã bước đầu phát triển. Năm 1999, ước tính cả nước có trên 110.000 trang trại, thu hút khoảng 600.000 lao động làm thuê. Quan hệ giữa chủ và người làm thuê là quan hệ mua bán sức lao động theo thỏa thuận. Bản thân người chủ cũng trực tiếp lao động và quản lý công việc ở trang trại. Địa vị kinh tế giữa chủ trang trại với những người làm thuê chưa cách biệt quá xa.

Đáng chú ý là, cũng đã xuất hiện - tuy còn ít - nhóm những người chủ đất không trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp, mà dựa hoàn toàn vào thuê mượn nhân công, kể cả thuê người quản lý. Phần lớn họ là những người sinh sống tại đô thị, một số làm việc trong các cơ quan nhà nước hoặc trong các ngành nghề phi nông nghiệp, nhưng lại đầu tư kinh doanh các sản phẩm gieo trồng trên đất (chẳng hạn trồng cà phê ở Tây Nguyên, trồng cao su ở Đông Nam Bộ, trồng lúa và cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long...) như một cách đa dạng hóa đầu tư để tăng thêm nguồn thu nhập. Địa vị kinh tế của họ đang thay đổi cùng với sự phát triển của phương thức kinh doanh tư bản trong nông nghiệp, mặc dù bản thân họ chưa hội đủ các điều kiện để hình thành một giai cấp.

Ngoài ra, ở nông thôn còn có khoảng 2,5 triệu hộ phi nông nghiệp chiếm 20,5% tổng số hộ, trong đó số hộ làm tiểu thủ công nghiệp là 16%, số hộ buôn bán và dịch vụ là 4,5%.<sup>9</sup> Những hộ này không còn thuộc về giai cấp nông dân nữa mà đã chuyển thành

<sup>9</sup> Tổng cục Thống kê: *Kết quả tổng điều tra nông nghiệp và nông thôn năm 1994*. Hà Nội-1995.

tầng lớp những người thợ thủ công và tầng lớp những người buôn bán nhỏ.

Đó là chưa kể hàng chục, hàng trăm ngàn lao động ở nông thôn thiếu việc làm đã chạy ra các thành phố kiếm sống vào những lúc nông nhàn hoặc thường xuyên, dần dần trở thành đội quân lao động tự do ở thành thị.

*3. Tầng lớp trí thức:* Đây là một lực lượng xã hội rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta nói chung và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng. Do những điều kiện lịch sử, trí thức nước ta được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau, trong đó bộ phận đông đảo nhất được đào tạo ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa từ sau 1954 và cả nước từ sau 1975 đến nay. Chính bộ phận này đang đóng vai trò nòng cốt trong các hoạt động giáo dục, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, nghệ thuật, quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước.

Theo kết quả Tổng điều tra dân số ngày 1/4/1999, nước ta có hơn 1.316.000 người tốt nghiệp đại học và cao đẳng, 17.244 người có học vị thạc sĩ, 8.836 người có học vị phó tiến sĩ và 2.489 người có học vị tiến sĩ. Ngoài ra, tính đến cuối năm 1998 còn có 807 người được phong học hàm giáo sư, 3013 người được phong học hàm phó giáo sư.

Giáo dục và đào tạo là lĩnh vực có đội ngũ trí thức rất đông đảo. Năm 1998 - 1999, cả nước có 58.811 giáo viên trung học phổ thông, 28.035 cán bộ giảng dạy đại học và cao đẳng.

Lĩnh vực khoa học và công nghệ với mạng lưới trên 300 viện và trung tâm nghiên cứu có khoảng 45.000 cán bộ thuộc các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, y dược và nông-lâm-ngư nghiệp.

Hơn 250.000 cán bộ có trình độ từ cao đẳng đại học trở lên đang trực tiếp tham gia hoạt động trong các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế.

Trên mặt trận văn hóa, có một đội quân đông đảo gồm trên 20.000 hội viên các hội văn học, nghệ thuật ở trung ương và các địa phương.

Xu hướng trí thức hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các cấp Đảng và chính quyền cũng ngày một tăng lên.

Hầu hết trí thức là con em nhân dân lao động. Do đó, xét về bản chất chính trị và lợi ích kinh tế - xã hội, giữa trí thức và giai cấp công nhân, giai cấp nông dân không có sự cách biệt mà gắn kết chặt chẽ với nhau trong khối liên minh công-nông-trí.

Những năm gần đây, việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ trí thức đã tăng lên đáng kể về mặt số lượng, song còn thiếu đồng bộ và mất cân đối giữa các ngành, chưa chú trọng đầy đủ đến đội ngũ trí thức nữ, trí thức dân tộc thiểu số. Đặc biệt, chất lượng đào tạo nói chung còn thấp, chưa đáp ứng được nhu cầu về nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao và phẩm chất chính trị vững vàng, có khả năng giải quyết được những vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc đang đặt ra trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và từng bước phát triển nền kinh tế

## 10 Mấy nét sơ bộ về sự biến đổi cơ cấu xã hội-giai cấp ở nước ta ...

tri thức, gắn liền với xây dựng một xã hội thông tin. Chính sách, chế độ sử dụng, đãi ngộ trí thức chậm được đổi mới; điều kiện làm việc thiếu thốn; môi trường tự do dân chủ (nhất là trong hoạt động khoa học xã hội, văn học, nghệ thuật) chưa được phát huy mạnh mẽ. Tất cả điều đó đã có ảnh hưởng không nhỏ đến động lực và sức sáng tạo của đội ngũ này.

4. *Tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ*: Trước thời kỳ đổi mới, tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ thuộc đối tượng cải tạo xã hội chủ nghĩa; đại đa số đã tham gia các hợp tác xã sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoặc hợp tác xã mua bán, tiêu thụ, vận tải, v.v...; số còn lại hoạt động không chính thức và bị hạn chế gắt gao. Từ khi chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, tầng lớp nói trên được phục hồi nhanh chóng và ngày càng thu hút được một số lượng khá đông lao động xã hội tham gia. Hiện nay, tầng lớp này bao gồm khoảng trên dưới 1 triệu hộ, có cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp hoặc các cửa hàng buôn bán, dịch vụ tại gia đình là chủ yếu. Họ tự bỏ vốn và tự mình lao động để sản xuất kinh doanh là chính, chỉ có một bộ phận thuê thêm người giúp việc. Hoạt động của họ góp phần đáng kể vào việc đa dạng hóa ngành nghề, năng động hóa nền kinh tế và giảm bớt sức ép về việc làm cả ở thành thị và nông thôn. Thu nhập của họ tuy không đồng đều, nhưng thuộc loại trung bình khá trong xã hội, một số ít đã trở nên giàu có.

5. *Tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân*: Trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, nhất là từ khi có *Luật công ty và doanh nghiệp tư nhân ra đời* (cuối năm 1990), thì các cơ sở kinh doanh tư nhân dưới các hình thức công ty tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn ngày càng tăng lên. Nếu năm 1991, cả nước mới có 121 doanh nghiệp tư nhân, thì đến cuối năm 1999, con số đó đã tăng lên tới 33.000. Đặc biệt, từ khi Nhà nước ban hành *Luật doanh nghiệp* đầu năm 2000 đến cuối năm đã có thêm 14.400 công ty tư nhân được thành lập với 17 tỷ đồng vốn đăng ký kinh doanh, tăng gần 4 lần so với năm 1999 cả về số lượng và về vốn, đồng thời bằng gần 44% về số lượng và trên 56% về vốn của cả thời kỳ 1991- 1999.

Nguồn vốn kinh doanh của các chủ doanh nghiệp tư nhân chủ yếu là tự có (do tích lũy từ lâu đời dưới hình thức bất động sản, vàng, ngoại tệ; hoặc do thân nhân, họ hàng, bạn bè cùng góp vốn), một phần vay mượn từ khu vực phi chính thức và từ các tổ chức ngân hàng, quỹ tín dụng. Đa số doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực thương nghiệp, nhà hàng, khách sạn, dịch vụ, vận tải; chỉ có một bộ phận nhỏ hoạt động trong lĩnh vực sản xuất các mặt hàng tiêu dùng trong nước và hàng xuất khẩu (như dệt may, giày dép, chế biến thực phẩm, giải khát, đồ gỗ, cao su và nhựa, v.v...). Đó là những ngành đầu tư ít nhưng lại cho phép mau hoàn vốn.

Về qui mô, đại đa số các doanh nghiệp tư nhân thuộc loại vừa và nhỏ; số doanh nghiệp có qui mô lớn còn ít. Riêng tại thành phố Hồ Chí Minh: 82% doanh nghiệp tư nhân có vốn dưới 500 triệu đồng; số doanh nghiệp có vốn trên 100 tỷ đồng chiếm không đầy 10%.<sup>10</sup> Số lao động bình quân của doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh

<sup>10</sup> Cục Thống kê thành phố Hồ Chí Minh: *Hiện trạng các công ty và doanh nghiệp tư nhân năm 1996*.



vực phi sản xuất là 33 người, trong lĩnh vực sản xuất là 330 người; chỉ có một số rất ít doanh nghiệp sử dụng tới trên 1000 công nhân. Sự đóng góp của khu vực doanh nghiệp tư nhân vào tổng sản phẩm quốc nội còn rất khiêm tốn, khoảng 3 - 4%.

Đối với giới chủ doanh nghiệp tư nhân, tâm lý thích làm một ông chủ nhỏ phổ biến hơn là đồng chủ một công ty lớn. Triết lý “*Một mình một xe, một ghe, một che, một lò*” vẫn được ưa chuộng hơn cả. Chính triết lý hành động này đã làm cho thực lực kinh tế của phần lớn doanh nghiệp tư nhân không tăng nhanh lên được.

Hầu hết những người chủ doanh nghiệp hiện nay đều tự quản lý hoặc tham gia quản lý doanh nghiệp. Thu nhập của họ bao gồm tiền thù lao cho lao động quản lý và lợi nhuận từ việc bỏ vốn đầu tư kinh doanh.

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ chủ - thợ tại các doanh nghiệp tư nhân ở nước ta không giống như ở các nước tư bản chủ nghĩa. Mối quan hệ “chủ doanh nghiệp - người lao động làm thuê” được Nhà nước qui định và giám sát. Bên cạnh đó, các đoàn thể quần chúng, nhất là công đoàn cũng có quyền tham gia vào việc bảo vệ quyền lợi của người lao động do luật pháp qui định.

Từ những điều nói trên có thể thấy, ở nước ta hiện nay mặc dầu đã tồn tại những nhà tư bản tư nhân, nhưng giữa họ chưa có sự liên kết chặt chẽ cả về kinh tế, chính trị, xã hội để trở thành giai cấp tư sản với tư cách là “một tập đoàn to lớn” có địa vị rõ rệt “trong một chế độ kinh tế xã hội nhất định”, như V. I. Lênin đã từng chỉ ra<sup>11</sup>. Do đó, chỉ có thể xem họ thuộc *tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân* hay *tầng lớp tư sản đang hình thành*.

Đại hội IX của Đảng chủ trương: “Khuyến khích phát triển kinh tế tư bản tư nhân rộng rãi trong những ngành nghề sản xuất, kinh doanh mà pháp luật không cấm. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi về chính sách, pháp lý để kinh tế tư bản tư nhân phát triển trên những định hướng ưu tiên của Nhà nước, kể cả đầu tư ra nước ngoài... Xây dựng quan hệ tốt giữa chủ doanh nghiệp và người lao động”.<sup>12</sup>

Như vậy, chừng nào tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân hay tầng lớp tư sản còn cần cho sự phát triển đất nước, thì chừng đó đất nước vẫn dành cho họ vị trí xứng đáng. Chắc chắn thời gian đó còn rất lâu dài. Việc xây dựng chủ nghĩa xã hội với sự góp sức của các nhà tư sản chưa có tiền lệ trong lịch sử, nhưng trong những điều kiện của sự nghiệp đổi mới ở nước ta, hoàn toàn có khả năng chuyển tính chất của mâu thuẫn đối kháng giữa tư sản và công nhân lao động làm thuê sang tính chất hợp tác (hợp tác và đấu tranh) để cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Khả năng đó phụ thuộc chủ yếu vào đường lối lãnh đạo đúng đắn của Đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy Nhà nước, dựa trên sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Cần làm cho tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân, các nhà tư sản thấy rõ họ

<sup>11</sup> V. I. Lênin: *Toàn tập*. Tập 39. Nxb Tiến bộ. Matxcova -1977. Tr.17-18.

<sup>12</sup> *Báo cáo Chính trị của Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản khóa VIII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng*. Báo Nhân dân, ngày 21/4/2001.

đang và sẽ hoạt động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dưới sự kiểm soát và điều tiết của Nhà nước bằng luật pháp. Do đó, việc bổ sung, hoàn chỉnh hệ thống luật pháp đối với hoạt động của các doanh nghiệp tư nhân là hết sức quan trọng. Mặt khác, cũng cần có những biện pháp giáo dục cho các nhà tư sản hạn chế những mặt tiêu cực của họ, phát huy lòng yêu nước và tinh thần trách nhiệm đối với dân tộc, biết làm giàu một cách có văn hóa, có đạo đức, không làm giàu theo “luật rừng” và trở thành những “trọc phú” đặt đồng tiền lên trên tất cả.

*6. Một số nhóm xã hội làm giàu phi pháp:* Trong bức tranh toàn cảnh về sự chuyển biến cơ cấu xã hội ở nước ta hiện nay, qua điều tra thực tế ở nhiều ngành và địa phương cho thấy: bên cạnh những giai cấp, tầng lớp làm ăn chân chính (kể cả những người đã giàu lên nhanh chóng nhờ biết phát huy đến mức cao nhất tiềm năng về vốn, lao động, kiến thức và kinh nghiệm của bản thân và gia đình trong sản xuất kinh doanh), thì cũng đã nảy sinh không ít những kẻ làm giàu phi pháp. Những kẻ làm giàu phi pháp này thuộc hai nhóm. Nhóm thứ nhất là bọn buôn gian, bán lậu đầu cơ, lừa đảo. Nhóm thứ hai là bọn dựa vào vị thế hay quyền lực để đục khoét tài sản của Nhà nước và nhân dân. Không nên hiểu vị thế hay quyền lực ở đây chỉ là những người có vị trí xã hội quan trọng, chức vụ cao, quyền lực lớn mà là bất cứ một cá nhân hoặc tổ chức nào trong bộ máy của Đảng và Nhà nước từ Trung ương đến cơ sở khi thực hiện chức năng được giao tìm cách lợi dụng chức năng đó để tự cho phép làm trái luật pháp, chính sách, chế độ của Nhà nước và bằng cách đó thu lợi bất chính cho bản thân hoặc cho tổ chức mà họ là thành viên. Như vậy, việc sử dụng quyền lực một cách phi pháp của một bộ phận cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất đang để ra *sở hữu bất chính*, tạo ra bất công xã hội. Hơn nữa, thực tế của các vụ Tamexco, Tân Trường Sanh, Epcos - Minh Phụng và nhiều vụ khác còn cho thấy rõ có sự câu kết giữa hai nhóm xã hội nói trên.

Cả hai nhóm này đều có lợi ích đối kháng với lợi ích của toàn xã hội. Chúng phải bị pháp luật trừng trị và xóa bỏ càng sớm càng hay, càng triệt để càng tốt. Nếu để cho chúng tiếp tục tồn tại, phát triển và cấu kết chặt chẽ với nhau thì sớm muộn khó tránh khỏi sẽ hình thành nên một tầng lớp “maphia” phá hoại sự nghiệp đổi mới đất nước ngay từ bên trong, đe dọa đến sự sống còn của chế độ xã hội mới mà nhân dân ta đang xây dựng.

Tóm lại, 15 năm qua cùng với quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cơ cấu xã hội nước ta đã có sự biến đổi đáng kể. Cơ cấu đó không còn có thể khuôn vào sơ đồ giản đơn là “*hai giai, một tầng*” như trước, mà ngày càng trở nên đa dạng và phức tạp hơn.

### **III. Một vài dự báo trong tương lai gần**

Căn cứ vào xu hướng vận động, biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp ở nước ta trong 15 năm qua, chúng ta có thể nêu lên một vài dự báo về triển vọng sắp tới như sau:

*Một là:* Nước ta vẫn đang ở trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nền kinh tế nhiều thành phần, tức chế độ đa sở hữu còn tồn tại trong một thời gian

dài. Hơn nữa, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang được đẩy mạnh, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và hội nhập kinh tế quốc tế sẽ tăng lên. Do đó, cơ cấu các giai cấp, các tầng lớp xã hội sẽ còn tiếp tục biến đổi theo hướng đa dạng hóa hơn nữa.

*Hai là:* Tỷ trọng giai cấp nông dân sẽ dần dần giảm xuống trong cơ cấu xã hội. Giai cấp công nhân công nghiệp sẽ tiếp tục tăng lên về số lượng, nhưng cũng sẽ không chiếm đa số trong tổng số dân cư. Tầng lớp trí thức, bao gồm cả những bộ phận công-nông “trí thức hóa”, ngày càng có vai trò quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển nền kinh tế tri thức. Tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ vẫn có vị trí không thể thiếu trong nền kinh tế quốc dân. Tầng lớp chủ doanh nghiệp tư nhân có thể phát triển thành giai cấp tư sản dân tộc, gắn với nguồn lao động, nguyên liệu và thị trường trong nước là chủ yếu, có tác dụng như một đối trọng với tư bản nước ngoài. Một số nhóm xã hội thoái hóa, biến chất từng bước bị thu hẹp và xóa bỏ trước sức mạnh đấu tranh của tất cả các lực lượng lành mạnh trong nhân dân khi được giáo dục, động viên và tổ chức tốt.

Với các dự báo nêu trên, Đảng và Nhà nước cần có những chính sách phù hợp để xử lý đúng đắn và điều chỉnh mối quan hệ giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội theo hướng xây dựng một *cộng đồng xã hội văn minh*, củng cố sự hòa hợp, thống nhất cao trong đa dạng, tạo ra chất lượng mới của khối đại đoàn kết toàn dân, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.